TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 231/2025/DS - PT	
Ngày: 29/5/2025	
V/v: "tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Đinh Phước Hòa**

Các Thẩm phán: ông **Phạm Ngọc Thái**

ông **Trần Quốc Cường**

- ***Thư ký phiên tòa***: ông **Nguyễn Văn Nam**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Trần Thị Thắng**, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 318/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc "tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1272/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Hồ Thị Bích L1.

Cùng cư trú tại: Xóm C, thôn A, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định. Ông L có mặt, bà L1 có đơn xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Dư .

Cùng cư trú tại: Xóm A, thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định; ông T có mặt, bà D1 có đơn xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Thành L2; cư trú tại: Khu phố H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định; có đơn xét xử vắng mặt.

- Chị Nguyễn Hồ Mỹ D; cư trú tại: Thôn A, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định; có mặt.

- Nguyễn Nhật Đ; có mặt.

- Nguyễn Nhật Đ1; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định.

- Anh Nguyễn Xuân T1; vắng mặt

Theo đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Dư .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Hồ Thị Bích L1 thống nhất trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 421, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại xóm A, thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định là của cha mẹ ông L. Năm 1989 ông L lấy bà L1 thì cha mẹ ông cho ông thửa đất này, gắn liền với đất là ngôi nhà vách đất, mái lợp ngói. Còn cha mẹ ông L thì ở ngôi nhà cũ trên thửa đất giáp ranh với thửa đất hiện nay đang tranh chấp. Vợ chồng ông, bà cùng các con chung và 1 con nuôi ở trên thửa đất này. Hộ gia đình ông L đã được cân đối giao quyền sử dụng đất và đã được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 46332 ngày 25/12/1997, theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ. Tại thời điểm giao quyền sử dụng đất thì hộ ông L có 05 nhân khẩu được cân đối giao quyền, gồm: Ông Nguyễn Văn L, vợ Hồ Thị Bích L1, con nuôi Nguyễn Xuân T1, con ruột Nguyễn Thành L2, con ruột Nguyễn Hồ Mỹ D. Hộ ông L được cân đối, giao quyền sử dụng 07 thửa đất, trong đó có thửa 421 diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 800m2 (trong đó có 400m2 đất ở và 400m2 đất vườn), diện tích theo đo đạc thực tế ngày 24/6/2024 là 793,8m2.

Đối với thửa đất số 125, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại thôn A, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định, hiện nay ông quản lý, sử dụng, là ông xin của Nhà nước vào khoảng năm 1985, vì lúc đó ông tuổi lớn, chưa có vợ nên ông xin thửa đất này để ở. Sau khi xin đất, ông chỉ để đó chứ không có xây dựng nhà. Thửa đất này đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI277340 ngày 22/6/2018, có số thửa là 1260, tờ bản đồ số 16, diện tích 400m2 đất ở. Đến năm 1995 thì gia đình ông L chuyển sang ở tại thửa đất này. Lý do là thửa đất 421ở bên kia sông, lúc đó không có cầu bắc qua sông nên việc đi lại rất khó khăn, vào mùa mưa không đi được nên ông L chuyển nhà qua bên này sông để thuận lợi cho việc học hành của các con. Sau khi gia đình ông L chuyển đến thửa đất số 125 ở, thì vợ chồng ông Nguyễn Văn T xin vợ chồng ông ở nhờ tại nhà, đất của thửa 421 từ đó cho đến nay, khi vợ chồng ông cho ở nhờ chỉ nói miệng chứ không có giấy tờ gì.

Nay, vợ chồng ông L, bà L1 yêu cầu vợ chồng ông T, bà D1 thanh toán cho gia đình ông, bà giá trị quyền sử dụng đất thửa 421 là 200.000.000 đồng. Ngoài ra, vợ chồng ông, bà không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D1 thống nhất trình bày:

Nguồn gốc thửa đất đang số 421 là của cha ông Thừa là cụ Nguyễn Hà T2 (chết năm 2017) và mẹ là cụ Trương Thị S (chết năm 2021) để lại cho ông Nguyễn Văn L ở, khoảng năm 1995 ông L chuyển sang thửa đất số 125 để cư trú và sinh sống. Lúc này cha, mẹ ông cho vợ chồng ông, bà nhà, đất này, khi cho chỉ nói miệng chứ không có giấy tờ gì. Thửa số 421 có được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 hay không thì vợ chồng ông T không biết. Hộ cụ Nguyễn Hà T2 được cân đối giao quyền sử dụng đất Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993, tại thời điểm cân đối giao quyền sử dụng đất năm 1993, hộ của cụ Nguyễn Hà T2 có 05 nhân khẩu, gồm: Cụ Nguyễn Hà T2, cụ Trương Thị S, cụ Nguyễn Thị T3 là chị ruột cụ Nguyễn Hà T2, ông Nguyễn Văn T4 (con cụ Nguyễn Hà T2) và ông Nguyễn Văn T. Ông T được cân đối giao quyền sử dụng đất chưng với hộ cụ T2. Bà D1 vợ ông T không được cân đối giao quyền sử dụng đất chung với hộ cụ T2 vì đã được cân đối giao quyền sử dụng đất tại quê bà D1, hai người con của vợ chồng ông, bà còn nhỏ nên không có cân đối giao quyền sử dụng đất.

Vợ chồng ông, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông L, bà L1 vì nhà, đất này là của cha mẹ ông đã cho vợ chồng ông, bà ở và vợ chồng ông L cũng đã được Nhà nước cấp cho thửa đất ở số 125, tờ bản đồ số 16.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Thành L2 và chị Nguyễn Hồ Mỹ D trình bày: Anh, chị là con của ông Nguyễn Văn L và bà Hồ Thị Bích L1, anh chị thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn ông L và bà L1.

Anh Nguyễn Xuân T1: Tòa không lấy được lời khai.

Anh Nguyễn Nhật Đ và anh Nguyễn Nhật Đ1 trình bày: Các anh là con của ông Nguyễn Văn T5 và bà Nguyễn Thị D1, các anh thống nhất với lời trình bày và ý kiến về việc giải quyết vụ án của ông T và bà D1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 30/8/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

"Căn cứ vào các Điều 26, 37, 39 147, 157, 165, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 105, 107, 158, 163, 164, 166, 168 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 3 Điều 100, các Điều 106, 166 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Hồ Thị Kim L3, về yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D1 phải trả lại tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 421, tờ bản đồ số 18, diện tích theo đo đạc thực tế ngày 24/6/2024 là 793,8m2 (trong đó có 400m2 đất ở và 393,8m2 đất vườn), tọa lạc tại xóm A, thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: L 460332 ngày 25/12/1997 do UBND huyện V, tỉnh Bình Định cấp cho hộ ông Nguyễn Văn L.

2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D1 phải thanh toán cho hộ ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị L4 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) giá trị quyền sử dụng thửa đất nêu trên. Vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D1 được trọn quyền sử dụng thửa đất số 421, tờ bản đồ số 18, diện tích là 793,8m2 (trong đó có 400m2 đất ở và 393,8m2 đất vườn), tọa lạc tại xóm A, thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: L 460332 ngày 25/12/1997 do UBND huyện V, tỉnh Bình Định cấp cho hộ ông Nguyễn Văn L, sau khi đã thanh toán thanh toán cho hộ ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị L4 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

3. Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D1 có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật đất đai năm 2013".

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 18/9/2024, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D1 kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T, bà D1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì có đủ cơ sở xác định nguồn gốc thửa đất số 421, tờ bản đồ số 18, diện tích 793m2 là của vợ chồng cụ Nguyễn Hà T2, Trương Thị S1. Hai cụ T2, S1 chết không để lại di chúc, quá trình giải quyết vụ án có liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho vợ chồng nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người thuộc hàng thừa kế của cụ T2, cụ S1

và Ủy ban nhân dân huyện V tham gia tố tụng là sai lầm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên đây là phiên tòa được mở lần 2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp:

Cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất nguồn gốc thửa đất số 421, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại xóm A, thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định là của vợ chồng cụ Nguyễn Hà T2, cụ Trương Thị S (bố mẹ của ông L và ông T).

Ông Nguyễn Văn L cho rằng: bố mẹ đã cho mình thửa đất này vào năm 1989 khi lấy bà Hồ Thị Bích L1. Quá trình thực hiện theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ thì Ủy ban nhân dân huyện V giao quyền sử dụng thửa đất này cho vợ chồng ông và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 46332 ngày 25/12/1997. Tại thời điểm giao quyền sử dụng đất thì hộ ông L có 5 nhân khẩu được cân đối giao quyền.

Ông Nguyễn Văn T cho rằng: Ông L tự ý kê khai mà cha mẹ, anh chị em không biết nên chính quyền địa phương cấp cho ông L quản lý, sử dụng là không đúng. Khi còn sống thì cụ T2, cụ S đã cho tôi thửa đất này để ở và phải nuôi cụ Nguyễn Thị T3 (chị ruột của cụ T2) từ năm 1996 cho đến nay, đã 02 lần xây lại nhà nhưng ông L không có ý kiến. Vì vậy, không đồng ý với yêu cầu trả lại đất của ông L.

[3] Theo Văn bản số 525/UBND-TNMT ngày 04/4/2023, Ủy ban nhân dân huyện V có ý kiến như sau:

"Việc cấp GCNQSDĐ là do thực hiện cân đối giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình theo Nghị định 64/CP của Chính phủ và Chỉ thị 14 của UBND tỉnh B. Về quy trình thì hộ gia đình tự kê khai, đăng ký giao quyền sử dụng đất để UBND xã C xem xét đề nghị UBND huyện giao đất.

Ông Nguyễn Văn L thực hiện kê khai, đăng ký và được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số phát hành L460332, số vào sổ 00316/QSDĐ/m4 ngày 25/12/1997 gồm các thửa….

Theo tìm hiểu và thông tin từ gia đình (anh, em của ông L và ông T) cung cấp thì thời điểm đó ông Nguyễn Văn L tự ý kê khai thửa 421, tờ bản đồ số 18 để cấp quyền sử dụng cho ông L chứ tất cả cha mẹ, anh em trong gia đình đều không hay biết cho đến khi xảy ra tranh chấp như hiện tại mới biết được cấp quyền sử dụng cho ông L".

[3.1] Theo Văn bản số 76/UBND ngày 20/3/2025, Ủy ban nhân dân xã C cho biết:

"Thời điểm thực hiện cân đối giao quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ thì vợ chồng ông L bà L1 đang sinh sống tại xã C, trong trường hợp vợ chồng ông L bà L1 không đăng ký kê khai đối với thửa đất số 421, tờ bản đồ số 18 thì không đủ điều kiện để được cân đối giao quyền sử dụng đất khác theo Nghị định số 64/CP. Bởi lẽ vì thời điểm đó thực hiện theo Nghị định 64/CP, UBND xã C thực hiện cân đối giao quyền sử dụng đất Nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp (không cân đối giao quyền sử dụng đất ở).

…

Đối với thửa 421, tờ bản đồ số 18 đất ở thì không cân đối giao quyền. Nếu công nhận cho hộ ông L thì không đúng đối tượng (vì nguồn gốc đất không phải của ông L và nhà ở không thuộc sở hữu ông L)"

[3.2] Theo "Biên bản làm việc" ngày 14/3/2025 tại UBND xã C, ông Nguyễn Đức T6 là con trai của ông Nguyễn Hà T2 và nguyên Phó chủ nhiệm HTX N 1 cho biết:

"thửa đất số 421, tờ bản đồ số 18 có nguồn gốc đất do ông bà để lại từ trước năm 1975. Đến năm 1976 cha ông là cụ Nguyễn Hà T2 xây dựng nhà ở. Ba mẹ ở đó đến khoảng năm 1991, ba mẹ cho em tôi là Nguyễn Văn L ở (chỉ cho ở tạm một thời gian chứ không cho quyền sử dụng nhà, đất-bởi vì nhà này xem như nhà từ đường, ai ở đó thì cúng giỗ bà cố Sáu tuyệt tự)…Còn nhà trên thửa đất số 421 thì ba mẹ cho vợ chồng em tôi là Nguyễn Văn T ở (Lúc cho em T ở có cha mẹ, đủ anh em trong gia đình-kể cả em L cũng có mặt. Tất cả đều đồng ý cho vợ chồng em T ở và không ái có ý kiến gì). Vợ chồng em T ở đến năm 2003 thì nhà xuống cấp nên vợ chồng em T dỡ bỏ và xây dựng lại để ở đến nay.

…

Thửa đất này do ông bà để lại và là nhà từ đường nên không có đưa vào hợp tác xã nông nghiệp vì lúc viết đơn hiến đất vào HTXNN của cha mẹ tôi là do tôi trực tiếp viết, hơn nữa lúc đó bản thân tôi là Phó chủ nhiệm Hợp tác xã N1 nên tôi khẳng định là không đưa vào hợp tác xã nông nghiệp"

[3.3] Với những căn cứ nên trên thì có cơ sở xác định thửa đất số 421, tờ bản đồ số 18 có nguồn gốc là của vợ chồng cụ Nguyễn Hà T2, cụ Trương Thị S. Vợ chồng cụ T2 không hiến thửa trên vào Hợp tác xã. Quá trình sử dụng đất, vợ chồng cụ T2 chỉ cho ông Nguyễn Văn L sử dụng, nhưng sau đó ông L đã tự mình kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất mà không được vợ chồng cụ T2 đồng ý; Sau khi vợ chồng ông L, bà L1 chuyển sang sinh sống ở thửa đất số 125, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại thôn A, xã C vào năm 1995, vợ chồng ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị D1 được sự đồng ý của bố mẹ, anh chị em trong gia đình đã sử dụng thửa đất số 421, tờ bản đồ số 18 từ năm 1996 cho đến nay; Quá trình sử dụng đất thì vào năm 2003 vợ chồng ông T, bà D1 đã xây dựng lại nhà ở nhưng vợ chồng ông L không có ý kiến phản đối, đến khi cụ T2 chết năm 2017, cụ S1 chết năm 2021 thì vợ chồng ông L mới tranh chấp quyền sử dụng đất; Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định cũng xác nhận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Hồ Thị Bích L1 là không đúng quy định pháp luật. Do đó, thửa đất số 421, tờ bản đồ số 18 là di sản thừa kế của vợ chồng cụ Nguyễn Hà T2, cụ Trương Thị S1.

[4] Để giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật thì phải đưa những người thuộc hàng thừa kế của vơ chồng cụ Nguyễn Hà T2, Trương Thị S1 và Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định vào tham gia tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người thuộc thừa kế của vợ chồng cụ T2, S1 và Ủy ban nhân dân huyện V vào tham gia tố tụng là sai lầm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục.

[5] Do đó, có cơ sở chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D1, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì kháng cáo được chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 6 Điều 310, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Dư .

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định pháp luật.

Áp dụng vào các Điều 26, 147, 157, 165, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả 300.000 đồng cho ông T, bà D1 theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001983 ngày 03/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Phước Hòa